

**BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TPL22B1TS
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022-2023**

STT	MSHS	Họ và tên	Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Tiếng anh(4)	Nghịệp vụ ĐK và QL hộ tịch(2)	Pháp luật về công chứng, chứng thực(1)	Luật Hình sự và Tố tụng HS(4)	Luật Hôn nhân và Gia đình(2)	Điểm TB	Xếp loại
1	2253801012797	Huỳnh Ngọc Anh	08/07/1987	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
2	2253801012798	Nguyễn Văn Bảo	20/10/1997	7.9	8.8	7.4	9.2	6.4	8.5	7.8	Khá
3	2253801012799	Dương Văn Bông	18/11/1982	9.9	9.1	7.8	10.0	8.0	9.2	8.6	Giỏi
4	2253801012800	Nguyễn Thành Chu	08/06/1962	7.7	9.1	6.2	9.9	7.0	7.8	7.9	Khá
5	2253801012801	Phạm Văn Duyên	31/12/1972	8.3	9.1	6.8	9.9	7.1	8.4	8.1	Giỏi
6	2253801012802	Nguyễn Thành Đạt	05/09/2001	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
7	2253801012803	Lê Thanh Điền	11/11/1985	9.4	9.2	6.7	9.3	7.9	7.0	8.1	Giỏi
8	2253801012805	Nguyễn Văn Hậu	25/05/2002	9.0	9.3	7.1	9.7	7.5	8.0	8.2	Giỏi
9	2253801012806	Phạm Thái Hòa	12/06/1988	9.3	8.5	7.5	9.9	7.5	8.0	8.1	Giỏi
10	2253801012807	Đinh Thị Thu Hương	06/11/2001	8.6	9.4	7.7	9.8	8.3	7.7	8.6	Giỏi
11	2253801012809	Tô Nam Khang	30/03/1993	9.1	8.8	6.9	9.1	6.3	8.2	7.7	Khá
12	2253801012811	Nguyễn Hoàng Minh Khoa	19/07/2004	8.9	9.2	7.1	0.0	0.8	8.4	5.5	Trung bình
13	2253801012813	Lê Nhựt Diệu Lành	07/07/2006	9.0	9.3	8.1	9.9	7.9	8.2	8.6	Giỏi
14	2253801012814	Phạm Kim Liên	21/07/1992	9.5	9.7	8.1	10.0	8.6	9.2	9.1	Xuất sắc
15	2253801012815	Lê Văn Lực	13/02/1988	9.4	9.6	7.5	9.4	8.4	8.5	8.7	Giỏi
16	2253801012817	Khuru Trần Võ Nghĩa	24/12/1973	9.6	9.0	8.4	10.0	8.6	8.5	8.8	Giỏi
17	2253801012819	Nguyễn Thị Cẩm Như	05/08/2001	9.1	8.7	7.4	9.9	7.2	8.2	8.1	Giỏi
18	2253801012820	Trang Quốc Pháp	06/08/2001	8.9	9.2	5.6	9.1	8.0	8.3	8.1	Giỏi
19	2253801012821	Nguyễn Văn Phước	05/07/1968	9.2	9.1	8.2	10.0	8.2	8.6	8.7	Giỏi

Lưu ý: Môn học **Giáo dục QP - AN** không tính điểm vào điểm tổng kết.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 28 tháng 11 năm 2023
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái